

TNL 二級美甲師認證學科題庫-越文版

此題庫係為了強化新住民對台灣法令及消毒衛生的認知；同時希望藉此加強認識工作上接觸到的中文而制定。

- () 1 在美容營業場所中，滅火器至少應具備幾支
() 1 Trong một cơ sở kinh doanh làm đẹp cần có ít nhất mấy bình chữa cháy
(A) 2 支 (A) 2 Bình
(B) 3 支 (B) 3 Bình
(C) 4 支 (C) 4 Bình
(D) 5 支 (D) 5 Bình
- () 2 市售化粧品，其品名、標籤、仿單及包裝等刊載之文字，應以何種文字為主
() 2 Đối với các sản phẩm mỹ phẩm trên thị trường, nên sử dụng loại văn bản nào trong phần mô tả tên sản phẩm, nhãn mác, danh sách tên gì bao bì, v.v.
(A) 中文 (A) Tiếng Trung
(B) 英文 (B) Tiếng Anh
(C) 法文 (C) Tiếng Pháp
(D) 日文 (D) Tiếng Nhật
- () 3 保護消費者權益負責化粧品查驗工作的政府機構是
() 3 Cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm kiểm tra các sản phẩm mỹ phẩm để bảo vệ quyền và lợi ích của người tiêu dùng là
(A) 衛福部 (A) Bộ Y tế
(B) 環保署 (B) Bảo vệ Môi trường
(C) 消費者文教基金會 (C) Tổ chức Văn hóa và Giáo dục Người tiêu dùng
(D) 公平交易委員會 (D) Ủy ban Thương mại Công bằng
- () 4 甘皮剪建議使用哪種消毒法
() 4 Kìm cắt da Phương pháp khử trùng nào được đúng
(A) 陽性肥皂液消毒法 (A) Phương pháp khử trùng bằng dung dịch xà phòng
(B) 煤鹼油酚消毒法 (B) Phương pháp khử trùng bằng dầu
(C) 氯液消毒法 (C) phương pháp khử trùng bằng dung dịch clo
(D) 紫外線消毒法 (D) phương pháp khử trùng bằng máy hấp điện
- () 5 最簡單的消毒法為
() 5 Phương pháp khử trùng đơn giản nhất là
(A) 酒精消毒法 (A) phương pháp khử trùng bằng cồn
(B) 煤鹼油酚消毒法 (B) phương pháp khử trùng bằng creosote phenol

- (C)陽性肥皂液消毒法 (C) Phương pháp khử trùng bằng dung dịch xà phòng
(D)紫外線消毒法 (D) Phương pháp khử trùng bằng máy hấp điện

- ()6 蒸氣箱內的中心溫度在多少度以上殺菌效果最好
()6 trong hộp hấp là bao nhiêu độ để có hiệu quả tiệt trùng tốt nhất
(A)80
(B)70
(C)60
(D)50

- ()7 化粧品の仿單係指化粧品の
()7 Việc làm mỹ phẩm đề cập đến
(A)說明書 (A) Hướng dẫn
(B)容器 (B) Hộp đựng
(C)包裝盒 (C) Hộp đựng
(D)標籤 (D) Nhãn hiệu

- ()8 依化粧品衛生管理條例規定，化粧品包裝必須刊載
()8 Theo Quy chế quản lý vệ sinh mỹ phẩm, bao bì mỹ phẩm phải được công bố
(A)商標 (A) Nhãn hiệu
(B)規格 (B) Thông số kỹ thuật
(C)全成分 (C) Tất cả các thành phần
(D)售價 (D) Giá bán

- ()9 未經領有工廠登記證而製造化粧品者，可處幾年以下有期徒刑
()9 Người nào sản xuất mỹ phẩm không có giấy chứng nhận đăng ký nhà máy
sẽ bị phạt tù có thời hạn bao nhiêu năm
(A)一年 (A) 1 năm
(B)二年 (B) 2 năm
(C)三年 (C) 3 năm
(D)四年 (D) 4 năm

- ()10 輸入的化粧品
()10 mặt hàng mỹ phẩm đã nhập
(A)以原裝為限 (A) Giới hạn ở trong hộp
(B)可分裝 (B) có thể được đóng gói lại
(C)可改裝 (C) Có thể được trang bị thêm
(D)可自行調製 (D) có thể tự làm lại

()11 一般化妝品的用途不得宣稱以下何種詞句
()11 Việc sử dụng mỹ phẩm nói chung không được công bố những biểu hiện nào sau đây

- (A)改善 (A) Cải tiến
(B)美白 (B) Làm trắng
(C)潤澤 (C) dưỡng ẩm
(D)修飾 (D) Sửa đổi

()12 手部防曬乳係屬
()12 Kem chống nắng cho tay

- (A)藥品 (A) Thuốc
(B)含藥化粧品 (B) Mỹ phẩm có thuốc
(C)一般化妝品 (C) Mỹ phẩm nói chung
(D)日用品 (D) Nhu cầu thiết yếu hàng ngày

()13 化粧品未經核准，擅自分裝處

()13 Mỹ phẩm được đóng gói lại mà không cần phê duyệt

- (A)五萬元 (A) 50.000 nhân dân tệ
(B)十萬元 (B) Một trăm nghìn nhân dân tệ
(C)十五萬元 (C) 150.000 nhân dân tệ
(D)二十萬元 (D) Hai trăm nghìn nhân dân tệ

()14 印有贈品字樣的產品販賣給客戶，得罰以

()14 Nếu sản phẩm có in dòng chữ "quà tặng" niếu bán cho khách hàng, sản phẩm đó có thể bị phạt

- (A)不違法 (A) Không bất hợp pháp
(B)七萬元以下 (B) ít hơn 70.000 nhân dân tệ
(C)十萬元以下 (C) ít hơn 100.000 nhân dân tệ
(D)十五萬元以下 (D) ít hơn 150.000 nhân dân tệ

()15 來源不明的化妝品不得販賣，違者將會

()15 Mỹ phẩm không rõ nguồn gốc sẽ không được bán ,và người vi phạm sẽ bị

- (A)物品沒入銷毀 (A) Vật phẩm không bị phá hủy
(B)罰十萬元以下並沒入銷毀 (B) Phạt tiền dưới 100.000 nhân dân tệ và bị tịch thu và tiêu hủy
(C)處一年以下有期徒刑 (C) bị phạt tù không quá 1 năm
(D)罰一萬二千元 (D) Phạt tiền 12.000 nhân dân tệ

- () 16 業者無故拒絕衛生及主管機關派員檢查，得處以
- () 16 Người vận hành từ chối việc kiểm tra của cơ quan y tế và cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do sẽ bị trừng phạt bởi
- (A) 撤銷證照 (A) Thu hồi giấy phép
- (B) 罰七萬元以下 (B) Phạt tiền không quá 70.000 nhân dân tệ
- (C) 處一年以下有期徒刑 (C) bị phạt tù không quá 1 năm
- (D) 罰一萬二千元 (D) Phạt tiền 12.000 nhân dân tệ
- () 17 酒精做為消毒劑時，其濃度為
- () 17 Khi cồn được sử dụng làm chất khử trùng, nồng độ của nó là
- (A) 90%
- (B) 75%
- (C) 50%
- (D) 30%
- () 18 手指、皮膚適用下列那種消毒法
- () 18 ngón tay, và da được khử trùng Phương pháp nào sau đây nên được áp dụng
- (A) 氯液消毒法 (A) Phương pháp khử trùng bằng clo
- (B) 煤鹼油酚消毒法 (B) Phương pháp khử trùng bằng phenol bằng dầu hỏa
- (C) 酒精消毒法 (C) Phương pháp khử trùng bằng cồn
- (D) 紫外線消毒法 (D) Phương pháp khử trùng bằng tia cực tím
- () 19 台灣目前使用的交流電為
- () 19 Nguồn điện hiện đang được sử dụng ở Đài Loan là
- (A) 100V/50Hz
- (B) 110V/60Hz
- (C) 120V/50Hz
- (D) 120V/60H
- () 20 白色毛巾適用的消毒方法為
- () 20 Các phương pháp khử trùng phù hợp cho khăn trắng là
- (A) 蒸氣消毒法 (A) Khử trùng bằng máy hơi nước
- (B) 紫外線消毒法 (B) Phương pháp khử trùng bằng tia cực tím
- (C) 酒精消毒法 (C) Phương pháp khử trùng bằng cồn
- (D) 氯液消毒法 (D) Phương pháp khử trùng bằng clo

解 答	1. (A)	2. (A)	3. (A)	4. (D)	5. (A)
	6. (A)	7. (A)	8. (C)	9. (A)	10. (A)
	11. (B)	12. (B)	13. (B)	14. (C)	15. (B)
	16. (B)	17. (B)	18. (C)	19. (B)	20. (A)

